TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/DS-ST
Ngày 19-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Kim Lên.
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:* Ông Dương Việt Khái - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2016/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2016/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thùy L**, sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 12A, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1954 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 12A, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thùy L trình bày:

Chị là chủ đại lý bán thức ăn thủy sản; từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 giữa chị với ông Phạm Văn T có thỏa thuận việc mua bán thức ăn thủy sản, hình thức giao dịch ông T mua thiếu, nợ trả dần, lần giao dịch cuối cùng ngày 8/3/2016 ông T còn nợ chị 534.360.500 đồng, cộng với khoản nợ 2.043.500 đồng (theo bảng kê ngày

29/12/2015), tổng nợ 536.404.000 đồng, ông T có trả cho chị số tiền 190.000.000 đồng. Sau đó, hai bên có chốt nợ số tiền ông T còn nợ chị 346.404.000 đồng, ông T có viết cam kết ngày 22/7/2016 thừa nhận khoản nợ trên.

Tại phiên tòa chị yêu cầu ông T trả số tiền 346.404.000 đồng.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2016 ông có mua thức ăn nuôi cá của chị Nguyễn Thùy L, khi giao dịch chị L có xuất bảng kê, lần giao dịch cuối cùng vào ngày 8/3/2016 ông còn nợ chị L 534.360.500 đồng, trong thời gian giao dịch ông có trả chị L 240.000.000 đồng, khi trả không làm biên nhận, anh B là người nhận tiền, sau khi đối trừ số tiền đã trả ông còn nợ chị L 294.360.500 đồng.

Ông đồng ý trả cho chị L số tiền 294.360.500 đồng.

Trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông thường xuyên đi giao thức ăn nuôi cá cho ông T dùm chị L, đến tháng 6 năm 2016 thì ông ngưng việc giao thức ăn nuôi cá cho ông T, ngày 8/3/2016 chị L với ông T có chốt nợ, ông T còn nợ chị L 346.404.000 đồng, sau khi chốt nợ ông T có gửi ông 190.000.000 đồng để trả cho chị L, sau đó ông T không trả thêm khoản nợ nào nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thùy L số tiền 346.404.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn T là bị đơn trong vụ án và ông Nguyễn Thanh B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và ông B theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc giao dịch mua bán thức ăn nuôi cá giữa chị L và ông T có diễn ra trên thực tế, chị L và ông T đều thống nhất với nhau về thời gian giao dịch, lần giao dịch cuối cùng vào ngày 08/3/2016. Tuy nhiên về số tiền nợ hai bên trình bày có khác nhau, chị L xác định sau khi chốt nợ ông T còn nợ chị 346.404.000 đồng, nên yêu cầu ông T trả số tiền trên; ông T xác định tính đến lần giao dịch cuối cùng ông còn nợ chị L 534.360.500 đồng, sau đó ông có trả 240.000.000

đồng, hiện ông còn nợ chị L 294.360.500 đồng, nên ông chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền 294.360.500 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của chị L là có căn cứ; bởi lẽ mỗi lần giao dịch chị L đều có xuất bảng kê thể hiện số tiền ông T phải thanh toán, đồng thời có mở sổ theo dõi số tiền ông T đã trả, khoản nợ còn lại của ông T và cho ông T ký tên vào sổ theo dõi; lần giao dịch cuối cùng vào ngày 8/3/2016 thể hiện số tiền ông T còn nợ là 534.360.500 đồng (hai bên đều thừa nhận), cộng với khoản nợ 2.043.500 đồng (theo bảng kê ngày 29/12/2015), tổng nợ 536.404.000 đồng, ông T có trả 190.000.000 đồng, sau khi đối trừ ông T còn nợ 346.404.000 đồng. Mặt khác, tại Tờ cam kết ngày 22/7/2016 ông T thừa nhận có nợ chị L số tiền 346.404.000 đồng và cam kết sẽ trả nợ, đồng thời ông T xác định chữ ký trong tờ cam kết chính là của ông. Còn việc ông T xác định có trả cho chị L 240.000.000 đồng, ông B là người nhận tiền, nhưng chị L và ông B chỉ thừa nhận ông T có trả 190.000.000 đồng, việc trả nợ không có biên nhận thể hiện, nên lời trình bày của ông T không có căn cứ.

Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thùy L số tiền 346.404.000 đồng là phù hợp với Điều 438 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 428, 429, 430, 431, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQHH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy L. Buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thùy L số tiền 346.404.000 đồng.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí có giá ngạch là 17.320.200 đồng (5% x 346.404.000 đồng).

Chị L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 8.660.000 đồng, theo biên lai thu số 0006479 ngày 26/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T, ông B có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Giang Trung Kiên